

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày 27/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân: Ông Hà Văn Kiên và bà Y Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu - Thư ký Tòa án huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (điểm cầu xét xử trung tâm) và tại Trụ sở Công an huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (điểm cầu xét xử thành phần), xét xử sơ thẩm công khai (phiên tòa xét xử trực tuyến) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2022 và Quyết định bổ sung Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28A/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất: Phạm Công L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 9 năm 1990; tại tỉnh T; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N. Con ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1965 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996 và có 01 người con tên Phạm Đức T, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu (Ngày 23/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử tuyên phạt 08 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 30/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm tuyên chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T về phần hình phạt, xử phạt bị cáo Phạm Công L 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án 30/01/2018). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2022 cho đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo thứ hai: Vũ Văn Th (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 9 năm 1989, tại Thành phố N; Nơi đăng ký HKTT: Xã Th, huyện X, Thành phố N.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N. Con ông Vũ Văn H, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1959. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 04 tiền án; Nhân thân: Xấu. *Bản án số 13/2008/HSST ngày 18/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T tuyên phạt 39 tháng tù (tính từ ngày 04/10/2007) về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp tài sản”. Bản án số 04/2012/HSST ngày 24/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T tuyên phạt 15 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 05/2012/HSST ngày 29/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T tuyên phạt 51 tháng tù (tính từ ngày 24/6/2011) về tội “Cướp giết tài sản”. Bản án số 02/2018/HSST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh L tuyên phạt 36 tháng tù (tính từ ngày 20/9/2017) về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Vũ Văn Th được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay đưa ra xét xử. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.*

- Bị cáo thứ ba: Đỗ Ngọc N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 29 tháng 8 năm 1989, tại tỉnh B; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N. Con ông Đỗ Tiến H, sinh năm 1958 (Đã chết) và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1960. Bị cáo có vợ tên Y Th, sinh năm 1995 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu (*Bản án số 10/2011/HSST ngày 19/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T tuyên phạt 09 tháng tù (tính từ ngày 10/12/2010) về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 24/2012/HSST ngày 25/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T tuyên phạt 10 tháng tù (tính từ ngày 25/5/2012), về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 11/2014/HSST ngày 13/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T tuyên phạt 10 tháng tù (tính từ ngày 08/11/2013) về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 10/2015/HSST ngày 17/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T tuyên phạt 13 tháng tù (tính từ ngày 02/12/2014) về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 30/2017/HSST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T tuyên phạt 24 tháng tù (tính từ ngày 08/7/2017) về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 24/01/2021 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thành phố T ra quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Đã chấp hành việc nộp phạt ngày 31/3/2021).*

Bị cáo Đỗ Ngọc N bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2022 đến ngày 09/6/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay đưa ra xét xử, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Phan Xuân T, sinh năm 1989. Trú tại: Tổ dân phố 2B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn 1, xã M, huyện H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phan Thị Cát G, sinh năm 1995. Trú tại: Thôn Kon Tu 2, xã B, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Khuất Văn T, sinh năm 1981. Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Y Th, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 21/01/2022, Phạm Công L điều khiển xe mô tô hiệu HONDA, loại SH, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 82B1-527.70 đi dạo ở khu vực ô bàn cờ thuộc Tổ dân phố 2B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T thì phát hiện đồng gỗ Mít của anh Phan Xuân T để bên đường không có người trông coi nên L nảy sinh ý định lấy trộm. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 22/01/2022, L điều khiển xe mô tô đến phòng trọ nơi Vũ Văn Th thuê tại Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T để rủ Th đi trộm cắp số gỗ nói trên. Khi gặp, L nói với Th “*ở trên huyện có mấy khúc gỗ Mít để ngoài đường, đi lên lấy*”, Th nghe và hiểu ý của L muốn rủ mình đi lấy trộm số gỗ này nên đồng ý. Lúc này, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-527.70 chở Th về nhà mẹ của L tại Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T lấy chiếc xe cộ kéo bằng sắt có gắn trục và 02 bánh lốp rồi L chở Th ngồi sau kéo xe cộ đi đến vị trí đồng gỗ Mít. Khi đến nơi, L dựng xe mô tô trên đường rồi cùng Th đưa xe cộ đến sát đồng gỗ Mít lần lượt bê các lóng gỗ lên xe cộ. L và Th dùng xe mô tô kéo xe cộ chở tổng cộng 08 lóng gỗ Mít, chia thành 03 chuyến, đưa đi cất giấu tại 02 vị trí (*02 vị trí cách nhau khoảng 200m và cách vị trí đồng gỗ khoảng 01km*) trong vườn (lô) cà phê của người dân tại Tổ dân phố 2B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T. Sau khi cất giấu xe cộ và 08 lóng gỗ Mít xong, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-527.70 chở Th đi về. Đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 29/01/2022, L một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-527.70 đến vị trí cất giấu xe cộ và số gỗ Mít trộm cắp ngày 22/01/2022 để kéo gỗ về. Khi L điều khiển xe mô tô kéo theo xe cộ chở 04 lóng gỗ Mít rời khỏi vị trí cất giấu một đoạn thì bị lực lượng Công an thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T đi tuần tra phát hiện, lập biên bản vụ việc và thu giữ các tang vật có liên quan gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA, loại SH 125i, màu đỏ, biển kiểm soát 82B1-527.70; 01 chiếc xe cộ kéo bằng sắt, có hai bánh lốp; 08 khúc gỗ Mít hình trụ tròn, có kích thước khác nhau.

Tại kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 07/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Hà, kết luận:

08 (Tám) lóng gỗ thuộc chủng loại gỗ Mít, nhóm IV với tổng khối lượng 0,927m³; thời điểm định giá là tháng 01/2022; tổng giá trị tài sản là 2.161.152 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi một ngàn một trăm năm mươi hai đồng).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/5/2022, Phạm Công L đến nhà Đỗ Ngọc N tại Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T chơi. Đến khoảng 00

giờ 30 phút ngày 18/5/2022, L nảy sinh ý định đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài nên L nói với N “*đi xem có cái gì lấy được thì lấy rồi bán lấy tiền xài*”, N nghe và hiểu ý L muốn rủ mình đi tìm kiếm tài sản để lấy trộm nên đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-322.94 của N chở N đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực Thôn 1, xã M, huyện H, tỉnh T thì L phát hiện trong khuôn viên sân nhà anh Nguyễn Đức Ch có để nhiều cuộn lưới kẽm B40, L chỉ cho N thấy và nói “*đi vào khiêng mấy cuộn lưới kia ra*”, N đồng ý. Lúc này, L điều khiển xe mô tô đến dừng tại đoạn đường đất dân sinh cách đó khoảng 20m rồi L và N đi bộ đến hàng rào bên phải khuôn viên ngôi nhà mở cổng phụ bằng lưới B40 ra và đi đến vị trí có đặt nhiều cuộn lưới B40, L và N lần lượt lần từng cuộn lưới B40 ra giấu tại bụi cỏ bên đường cạnh nơi để xe mô tô. Sau khi giấu được 04 cuộn lưới B40, L điều khiển xe mô tô chở N về nhà của N lấy chiếc xe cộ bằng sắt có gắn trục và 02 bánh lốp theo gợi ý của N. Sau đó, L và N quay lại nơi cất giấu tài sản đưa 04 cuộn lưới B40 lên xe cộ rồi L điều khiển xe mô tô chở N kéo xe cộ về nhà bà Bùi Thị H (*là mẹ vợ của L*) để cất giấu. Khi đến nhà bà Hiên, lúc này đã gần sáng, nhà bà Hiên đang ngủ nên L tự mở cửa cổng rồi cùng N đưa 04 cuộn lưới B40 vào để tại góc sân. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở N kéo xe cộ về nhà của N rồi L mượn xe mô tô của N đi về nhà. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, L gọi điện thuê anh Khuất Văn T chở 04 cuộn lưới B40 ra cửa hàng vật liệu xây dựng “T T” tại thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T để bán thì được anh T đồng ý, anh T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81C-120.35 đến nhà bà Hiên rồi cùng L đưa 04 cuộn lưới B40 lên xe ô tô chở đi. Cùng lúc này, anh Nguyễn Đức Ch đến Công an huyện Đắk Hà trình báo sự việc. Khi nhận được tin báo, Công an huyện Đắk Hà tổ chức lực lượng truy tìm và phát hiện trên xe ô tô biển kiểm soát 81C-120.35 đậu trước cửa hàng vật liệu xây dựng “T T” có 04 cuộn lưới B40 như mô tả của anh Ch nên đã mời anh T đưa xe ô tô và 04 cuộn lưới B40 về trụ sở Công an huyện Đắk Hà để làm việc.

Tại kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐG ngày 30/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Đắk Hà, kết luận:

04 (Bốn) cuộn lưới B40 bằng kim loại, cao 1m6, có tổng khối lượng 302kg; thời điểm định giá là tháng 5/2022; giá trị tài sản là 6.930.900 đồng (Sáu triệu chín trăm ba mươi ngàn chín trăm đồng).

Như vậy, tổng tài sản trong 02 vụ trộm cắp mà bị cáo Phạm Công L thực hiện có giá trị **9.092.052** đồng (*Chín triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó, bị cáo Vũ Văn Th tham gia thực hiện 01 vụ cùng với bị cáo Phạm Công L với giá trị tài sản là **2.161.152** đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi một ngàn một trăm năm mươi hai đồng*); Bị cáo Đỗ Ngọc N tham gia thực hiện 01 vụ cùng với bị cáo Phạm Công L với giá trị tài sản là **6.930.900** đồng (*Sáu triệu chín trăm ba mươi ngàn chín trăm đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 15/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, truy tố các bị cáo Phạm Công L và Đỗ Ngọc N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Văn Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum trong phần tranh L giữ nguyên quan điểm quyết định truy tố các bị cáo Phạm Công L, Vũ Văn Th và Đỗ Ngọc N như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Công L từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 23/5/2022).

Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc N từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước đó (từ ngày 02/6/2022 đến ngày 09/6/2022).

Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn Th từ 24 đến 30 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 02 chiếc xe cộ kéo bằng sắt, có hai bánh là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Phạm Công L và bị cáo Đỗ Ngọc N.

Trả lại cho chị Y Th một chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 82B1-322.94 có giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Hữu T (*sinh năm 1983; trú tại thôn Đoàn Kết, xã Đắk Ngọc, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum*). Chiếc xe mô tô này được chị Y Th sử dụng số tiền riêng 5.000.000 đồng do mẹ đẻ của chị cho để mua của Hoàng Hữu T vào cuối năm 2017 làm phương tiện đi lại nhưng chưa sang tên đổi chủ. Ngày 18/5/2022, bị cáo Đỗ Ngọc N và bị cáo Phạm Công L sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chị Y Th hoàn toàn không biết.

Về tránh nhiệm dân sự: Bị hại anh Phan Xuân T và anh Nguyễn Đức Ch đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Cát G, anh Khuất Văn T không có yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập đến.

Về án phí sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi các bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Công L, Vũ Văn Th và Đỗ Ngọc N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 22/01/2022, Phạm Công L rủ Vũ Văn Th đến khu vực Tổ dân phố 2B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T lấy trộm 08 lóng gỗ thuộc chủng loại gỗ Mít, nhóm IV với tổng khối lượng 0,927m³, có giá trị tài sản là **2.161.152** đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi một ngàn một trăm năm hai đồng*) của anh Phan Xuân T.

Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/5/2022, Phạm Công L đến nhà Đỗ Ngọc N chơi và rủ N đi tìm kiếm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, L và N đi đến khu vực Thôn 1, xã M, huyện H, tỉnh T thì phát hiện trong sân nhà anh Nguyễn Đức Ch có nhiều cuộn lưới B40 nên L và N đã đột nhập lấy trộm 04 cuộn lưới B40, có giá trị tài sản là **6.930.900** đồng (*Sáu triệu chín trăm ba mươi ngàn chín trăm đồng*).

Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Công L và bị cáo Đỗ Ngọc N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Vũ Văn Th ngày 26/3/2017 và ngày 03/4/2017 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh L xét xử, tuyên phạt 36 tháng tù với tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án số: 02/2018/HSST. Ngày 22/01/2022, trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo Th tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, hành vi của bị cáo Th đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến khách thể quan trọng được pháp luật công nhận và bảo vệ đó chính là quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là hoàn toàn đúng pháp luật nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo biết tuân thủ pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Vũ Th trước khi phạm tội đã có 04 tiền án về tội phạm cùng loại là xâm phạm sở hữu, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của cả 04 bản án

nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đây là tình tiết định khung hình phạt nên không tính là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về nhân thân của các bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm Công L: Ngày 30/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm tuyên phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 01/2018/HSPT. Bị cáo L đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Đối với bị cáo Vũ Th trước khi phạm tội đã có 04 tiền án về tội xâm phạm sở hữu: Ngày 18/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 39 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Cướp tài sản*” theo Bản án số: 13/2008/HSST; Ngày 24/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 04/2012/HSST; Ngày 29/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 51 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo Bản án số: 05/2012/HSST và ngày 11/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh L xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 02/2018/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của cả 04 bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Đối với bị cáo Đỗ Ngọc N: Đã 05 bị xét xử về tội phạm cùng loại và 01 tiền sự: Ngày 19/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 10/2011/HSST; Ngày 25/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 24/2012/HSST; Ngày 13/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 11/2014/HSST; Ngày 17/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 13 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 10/2015/HSST và ngày 28/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 24/01/2021 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thành phố T ra quyết định xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo N đã chấp hành xong hình phạt tù, nộp án phí, nộp phạt vi phạm hành chính và đã được xóa án tích.

Do đó, xác định các bị cáo đều có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Vũ Văn Th và bị cáo Đỗ Ngọc N không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Công L: Ngày 22/01/2022 và ngày 18/5/2022, bị cáo Phạm Công L là người khởi xướng rủ rê và trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, 02 vụ này đều đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và cả 02 vụ trộm cắp tài sản đều chưa bị xử lý, cũng chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo Phạm Công L

phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Phạm Công L và bị cáo Đỗ Ngọc N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được xem xét cho hưởng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Vũ Văn Th trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện tội phạm đến ngày 31/01/2022 nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra về hành vi phạm tội, cho nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự giác cải tạo, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:

Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước. Trong đó, bị cáo Phạm Công L là người khởi xướng, rủ rê và là người trực tiếp thực hiện cả 02 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm chính trong cả 02 vụ án; Còn bị cáo Vũ Văn Th và bị cáo Đỗ Ngọc N khi được bị cáo Phạm Công L rủ rê đã không từ chối mà còn tham gia thực hiện một cách tích cực nên phải chịu chung trách nhiệm với bị cáo Phạm Công L đối với vụ án mà bị cáo Th và bị cáo N đã tham gia thực hiện.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình, tội trộm cắp tài sản còn có thể bị xử phạt bổ sung bằng tiền, nhưng căn cứ vào lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì các bị cáo đều làm nghề nông và nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] Về các vấn đề liên quan:

- Đối với bà Bùi Thị H là mẹ vợ của bị cáo Phạm Công L, việc bị cáo Phạm Công L thực hiện hành vi trộm cắp 04 cuộn lưới B40 vào ngày 18/5/2022 và đưa đến cất giấu tại nhà bà Hiên, nhưng bà không hay biết; thời điểm bị cáo L đưa 04 cuộn lưới B40 trộm cắp đến cất giấu là rạng sáng và lúc đó gia đình bà Hiên đang ngủ nên không ai biết việc bị cáo L đưa 04 cuộn lưới B40 đến cất giấu. Vì vậy, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà không xem xét xử lý trách nhiệm đối với gia đình bà Bùi Thị H là có căn cứ và phù hợp với quy định.

- Đối với anh Khuất Văn T là người được bị cáo L thuê chở 04 cuộn lưới B40 ngày 18/5/2022: Quá trình điều tra, xác định việc bị cáo Phạm Công L và bị cáo Đỗ Ngọc N thực hiện hành vi trộm cắp 04 cuộn lưới B40 thì anh T không biết. Khi thuê anh chở, bị cáo L không nói cho anh T biết nguồn gốc của 04 cuộn lưới B40 là do bị cáo L trộm cắp mà có. Vì vậy, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Đắk Hà không xem xét xử lý trách nhiệm đối với anh Khuất Văn T là có căn cứ cứ và đúng quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với 08 (tám) lóng gỗ Mít hình trụ tròn, kích thước khác nhau với tổng khối lượng là 0,927 m³ xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của Phan Xuân T; 04 (bốn) cuộn lưới B40, cao 1m6 với tổng trọng lượng 302kg là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Đức Ch; 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA, loại SH125i, màu đỏ, biển kiểm soát 82B1-527.70 có giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Phan Thị Cát G là tài sản thuộc sở hữu của chị G. Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các vật chứng này cho chủ sở hữu hợp pháp để tiếp tục quản lý, sử dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 02 (hai) chiếc xe cộ kéo bằng sắt, có hai bánh, đã qua sử dụng xác định 01 chiếc xe cộ kéo là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Phạm Công L và 01 chiếc xe cộ kéo là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Đỗ Ngọc N, được bị cáo L và bị cáo N tự làm để phục vụ quá trình lao động, sau đó đã sử dụng 02 chiếc xe cộ kéo này làm phương tiện đi thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản. Xét thấy, đây là các phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 82B1-322.94 có giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Hữu T (sinh năm 1983. Trú tại Thôn Đoàn Kết, xã Đắk Ngok, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum). Chiếc xe mô tô này được chị Y Th sử dụng số tiền riêng 5.000.000 đồng do mẹ đẻ của chị cho để mua của Hoàng Hữu T vào cuối năm 2017 làm phương tiện đi lại nhưng chưa sang tên đổi chủ. Ngày 18/5/2022, bị cáo Đỗ Ngọc N và bị cáo Phạm Công L sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chị Y Th hoàn toàn không biết. Xét thấy, đây là tài sản riêng của chị Y Th được mua về để phục vụ cho đi lại của chị, việc bị cáo Đỗ Ngọc N sử dụng chiếc xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội thì chị Y Th hoàn toàn không biết và chị xin được nhận lại chiếc xe để làm phương tiện đi làm. Do đó, tuyên trả lại chiếc xe cho chị Y Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phan Xuân T và anh Nguyễn Đức Ch đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Cát G và anh Khuất Văn T không có yêu cầu về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn:

Xét thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo Phạm Công L để đảm bảo việc Thi hành án.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo là người bị kết án phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Công L (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Công L 18 (*Mười tám*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị tạm giữ, tạm giam (ngày 23/5/2022).

Hình phạt bổ sung: Không.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc N (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc N 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án và được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam trước đó (Từ ngày 02/6/2022 đến ngày 09/6/2022).

Hình phạt bổ sung: Không.

1.3. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Th (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Th 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 02 (*hai*) chiếc xe cộ kéo bằng sắt, có hai bánh, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho chị Y Th 01 (*một*) chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 82B1-322.94 có giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Hữu T (*sinh năm 1983. Trú tại Thôn Đoàn Kết, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum*).

(Các vật chứng có đặc điểm, hình dạng, kích thước, tình trạng được thể hiện theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà theo Quyết định chuyển vật chứng số: 13/QĐ-VKS ngày 15/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Công L, Vũ Văn Th, Đỗ Ngọc N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 27 tháng 9 năm 2022) lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- TACC tại Đà Nẵng;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- THA hình sự;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

